

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN MINH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VBCB-BVMH

Minh Hóa, ngày tháng 07 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Quảng Bình

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa

Số giấy phép hoạt động 145/SYTQB-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế Quảng Bình
ngày 03 tháng 08 năm 2015.

Địa chỉ: TDP7, TT Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS. Đinh Thị Hường

Điện thoại liên hệ: 0944682265

Email:benhviendakhoahuyenminhhhoa@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

-Bác sỹ y khoa, Bác sỹ y học cổ truyền, Bác sỹ y học dự phòng, Bác sỹ Răng – Hàm – Mặt,

-Bác sỹ chuyên khoa (Nội/Ngoại/Sản/Nhi/Hồi sức/Gây mê/Tai-Mũi- Họng)

-Y sỹ đa khoa, Y sỹ y học cổ truyền

-Điều dưỡng

-Hộ sinh

-Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học, Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học

-Cấp cứu ngoại viện.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: *(Phụ lục I kèm theo)*
 3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): không
 4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: Ghi số lượng có thể tiếp nhận thực hành với mỗi chức danh *(Phụ lục II kèm theo)*
 5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 200.000đ/tháng/người
- Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.
- Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có): *Nội dung thực hành cụ thể với các chức danh (Phụ lục III kèm theo).*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các khoa phòng;
- Lưu: VT; KHTH.

GIÁM ĐỐC

Đinh Thanh Giáo

PHỤ LỤC I:
SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MINH HÓA
(Kèm theo bản Công bố số:ngày.....tháng.....năm 2024)

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn trên CCHN/GPHN
I. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nội				
1.	Đinh Thị Hương	Bác sĩ chuyên khoa I	0001059/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội
2.	Đinh Thị Quang	Bác sĩ chuyên khoa I	0001090/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
3.	Đinh Thị Hoa Ban	Bác sĩ chuyên khoa I	0002903/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
			282/QĐ-SYT	Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
4.	Đinh Quốc Việt	Bác sĩ chuyên khoa I	0002453/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
5.	Đinh Thị Tố Nga	Bác sĩ	0002895/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
6.	Đinh Thị Mỹ Lương	Bác sĩ	0001248/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
7.	Nguyễn Thị Ngân	Bác sĩ	0004408/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
II. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Ngoại				
8.	Đinh Thanh Giáo	Bác sĩ chuyên khoa II	0001097/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
9.	Cao Ngọc Anh	Bác sĩ chuyên khoa I	0004215/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
			82/QĐ-SYT	Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
10.	Mai Thế Cường	Bác sĩ chuyên khoa I	003877/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
			615/QĐ-SYT	Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
III. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Sản				
11.	Đinh Văn Thìn	Bác sĩ chuyên khoa I	0001786/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa
12.	Đinh Quang Phi	Bác sĩ chuyên khoa I	003972/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa
13.	Đinh Thị Lệ My	Bác sĩ	001778/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

IV. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nhi				
14.	Cao Thị Ngọc Hà	Bác sĩ chuyên khoa I	0004276/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
			81/QĐ-SYT	Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
15.	Trương Thị Thu Hoài	Bác sĩ	0004908/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
V. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Hồi sức/Cấp cứu ngoại viện				
16.	Phạm Thị Thu Hằng	Bác sĩ chuyên khoa I	0004477/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
VI. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Y học cổ truyền				
17.	Đinh Hải Tuấn	Bác sĩ chuyên khoa I	0002138/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội, chuyên khoa Y học cổ truyền
18.	Đinh Minh Duy	Bác sĩ	0002084/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
19.	Nguyễn Văn Hồng	Bác sĩ chuyên khoa I	002453/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
VII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Gây mê hồi sức				
20.	Đinh Thị Châu	Bác sĩ chuyên khoa I	0002738/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
			237/QĐ-SYT	Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức
21.	Đinh Hữu Diện	Bác sĩ chuyên khoa I	0004238/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
			227/QĐ-SYT	Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức
VII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Răng hàm mặt				
22.	Bùi Thị Kim Oanh	Bác sĩ chuyên khoa I	00001794/QB- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, khám bệnh, chử bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt
VIII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Tai Mũi Họng				
23.	Đinh Thị Tuyết Nhung	Bác sĩ chuyên khoa I	0003215/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa tai mũi họng
IX. Hướng dẫn thực hành điều dưỡng				
24.	Đinh Hoàng Anh	Cử nhân Điều dưỡng	0001668/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
25.	Cao Thị Thanh Bình	Cử nhân Điều dưỡng	0001063/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
26.	Đoàn Thị Thanh Bình	Cử nhân Điều dưỡng	0001095/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-

				BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
27.	Trà Thị Thùy Dung	Cử nhân Điều dưỡng	0001080/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
28.	Đinh Quang Đạo	Cử nhân Điều dưỡng	0001098/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
29.	Nguyễn Bá Diệp	Cử nhân Điều dưỡng	0001076/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
30.	Đinh Hoàng Đông	Cử nhân Điều dưỡng	0001066/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
31.	Nguyễn Thanh Hà	Cử nhân Điều dưỡng	0001797/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
32.	Phạm Thị Hải Hà	Cử nhân Điều dưỡng	0001777/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
33.	Cao Thị Hằng	Cử nhân Điều dưỡng	0001796/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
34.	Cao Thị Thu Hiền	Cử nhân Điều dưỡng	0001062/QB-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV
35.	Đinh Xuân Hoàng	Cử nhân Điều dưỡng	0001088/QB-CCHN	Theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT- BNV
36.	Cao Anh Hùng	Cử nhân Điều dưỡng	0001083/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
37.	Phạm Việt Hùng	Cử nhân Điều dưỡng	0001792/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
38.	Trương Thị Hường	Cử nhân Điều dưỡng	0001091/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV
39.	Đinh Tiến Lai	Cử nhân Điều dưỡng	0004130/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số

				26/2015/TTLT-BYT-BNV
40.	Bùi Thị Hồng Lê	Cử nhân Điều dưỡng	0001809/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
41.	Đinh Thị Hồng Liên	Cử nhân Điều dưỡng	0001081/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
42.	Đinh Vũ Linh	Cử nhân Điều dưỡng	0001068/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
43.	Đinh Thị Thùy Loan	Cử nhân Điều dưỡng	0001065/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
44.	Đinh Xuân Luyện	Cử nhân Điều dưỡng	0001067/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
45.	Cao Đức Mạnh	Cử nhân Điều dưỡng	0001100/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
46.	Thái Bình Minh	Cử nhân Điều dưỡng	001087/ĐNA-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
47.	Đinh Thị Hoài My	Cử nhân Điều dưỡng	0001074/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
48.	Đinh Thị Ngọc Oanh	Cử nhân Điều dưỡng	0001103/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
49.	Lê Thị Hoàng Oanh	Cử nhân Điều dưỡng	0003854/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
50.	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Cử nhân Điều dưỡng	0001106/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
51.	Đinh Duy Sâm	Cử nhân Điều dưỡng	0001793/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
52.	Lưu Thị Thắm	Cử nhân Điều dưỡng	0001085/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV

53.	Thái Thị Thanh Thúy	Cử nhân Điều dưỡng	0004081/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
54.	Đinh Thị Thanh Thùy	Cử nhân Điều dưỡng	0001783/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
55.	Đinh Thị Thủy	Trung cấp Điều dưỡng	0001798/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
56.	Trương Thị Bích Thủy	Cao đẳng Điều dưỡng	001101/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
57.	Đinh Thị Hoài Thương	Cử nhân Điều dưỡng	000865/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
58.	Đinh Thị Thanh Thương	Cử nhân Điều dưỡng	0001104/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
59.	Cao Thị Thu Tình	Cử nhân Điều dưỡng	0001107QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
60.	Đinh Thị Hữu Tình	Cử nhân Điều dưỡng	0001105/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
61.	Đinh Thị Ái Tình	Cử nhân Điều dưỡng	0001070/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
62.	Cao Thanh Toàn	Cử nhân Điều dưỡng	0001078/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
63.	Đinh Thị HuyềnTrang	Cử nhân Điều dưỡng	0001102/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
64.	Cao Ngọc Tuấn	Cử nhân Điều dưỡng	0002473/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
65.	Trương Thị Tuyết	Cử nhân Điều dưỡng	0001789/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số

				26/2015/TTLT-BYT-BNV
66.	Nông Thị Viên	Cử nhân Điều dưỡng	0001072/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
67.	Đinh Văn Nông	Cử nhân Điều dưỡng	0004360/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
68.	Cao Thị Hồng Vân	Cử nhân Điều dưỡng	0004909/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
69.	Thái Thị Huyền Trang	Cử nhân Điều dưỡng	0004576/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
70.	Đoàn Thị Hà	Cử nhân Điều dưỡng	0003761/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
71.	Đinh Minh Trí	Trung cấp Điều dưỡng	0001099/QB-CCHN	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức
72.	Đinh Thị Mỹ Hạnh	Trung cấp Điều dưỡng	0002498/QB-CCHN	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức
73.	Hoàng Thị Huế	Cử nhân Điều dưỡng	0001089/QB-CCHN	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ
74.	Trần Đức Long	Cử nhân Điều dưỡng	004492/QB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
X. Hướng dẫn thực hành Xét nghiệm y học				
75.	Lê Thúy An	Cử nhân kỹ thuật y xét nghiệm	0003304/QB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học
76.	Đinh Thái Duy	Cử nhân kỹ thuật y xét nghiệm	0003713/QB-CCHN	Kỹ thuật viên chuyên ngành Ký sinh trùng - Côn trùng
77.	Đinh Thiện Đạo	Cử nhân kỹ thuật y xét nghiệm	0004260/QB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm
78.	Đinh Thị Lan	Cử nhân kỹ thuật y xét nghiệm	0001060/QB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm
79.	Đinh Thị Hà My	Cử nhân kỹ thuật y xét nghiệm	0001064/QB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm Ký sinh trùng - Côn trùng
80.	Cao Quyết Thắng	Cử nhân kỹ thuật y xét nghiệm	0001790/QB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét

				nhịệm Ký sinh trùng - Côn trùng
81.	Nguyễn Hoàng Yến	Cử nhân kỹ thuật y xét nghiệm	0003015/QB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm y học
XI. Hướng dẫn thực hành Hình ảnh y học				
82.	Cao Văn Tuấn	Cử nhân KTY hình ảnh y học	0001780/QB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Hình ảnh y học
XII. Hướng dẫn thực hành hộ sinh				
83.	Phạm Thị Giang	Cử nhân hộ sinh	0001084/QB-CCHN	Theo quy định tại quy định tại thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y Tế
84.	Cao Thị Thu Hồng	Cao đẳng hộ sinh	0004047/QB-CCHN	Theo quyết định tại thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế
85.	Cao Thị Viết Hương	Cao đẳng hộ sinh	0001784/QB-CCHN	Theo quy định tại quy định tại thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y Tế
86.	Phạm Thị Kim Hường	Cao đẳng hộ sinh	0001069/QB-CCHN	Theo quy định tại quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
87.	Cao Thị Liên	Cao đẳng hộ sinh	0001077/QB-CCHN	Theo quy định tại quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
88.	Đinh Thị Miên	Cao đẳng hộ sinh	0003095/QB-CCHN	Theo quy định tại quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
89.	Ngô Thị Xuân Sang	Cử nhân hộ sinh	0001082/QB-CCHN	Theo quy định tại quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV
90.	Phan Thị Hồng Thắm	Cử nhân hộ sinh	0001061/QB-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế.
91.	Đinh Thị Thanh Thủy	Cao đẳng hộ sinh	0004048/QB-CCHN	Theo quy định tại quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV

PHỤ LỤC II
SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN
(Kèm theo bản Công bố số: /VBCB-BVMH ngày.....tháng.....năm 2024)

TT	Đối tượng thực hành	Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận trong năm	Ghi chú
1.	Bác sỹ y khoa	20 học viên	
2.	Bác sỹ YHCT	15 học viên	
3.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	5 học viên	
4.	Bác sỹ Y học dự phòng	10 học viên	
5.	Bác sĩ chuyên khoa Nội/Ngoại/Sản/Nhi/Hồi sức/Gây mê/Tai-Mũi-Họng)	-Nội, Ngoại, Sản: 15 học viên/1 chuyên khoa -Nhi, Hồi sức, TMH, Gây mê: 5 học viên/chuyên khoa	
6.	Y sỹ đa khoa	20 học viên	
7.	Y sỹ Y học cổ truyền	15 học viên	
8.	Điều dưỡng	100 học viên	
9.	Hộ sinh	45 học viên	
10.	Kỹ thuật y hình ảnh y học	5 học viên	
11.	Kỹ thuật y xét nghiệm	20 học viên	
12.	Cấp cứu ngoại viện	5 học viên	

Lưu ý: Khi dự kiến số lượng học viên có thể tiếp nhận lương dẫn thực hành cần chú ý các nội dung sau:

- Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.
- Người hướng dẫn cần có giấy phép hành nghề/Chứng chỉ hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành.
- Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành.
- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên (có chứng chỉ hành nghề)

PHỤ LỤC III:
NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
(Kèm theo bản công bố số: /VBCB-BVMH ngày tháng năm 2024)

1. Nội dung, thời gian hướng dẫn thực hành đối với từng chức danh: theo quy định tại Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề, các kỹ thuật các chức danh được thực hiện quy định tại Thông tư số 32/2023/TT/BYT, ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

a. Nội dung: (mỗi nội dung 2-4 giờ tín chỉ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế tổ chức, quản lý Bệnh viện.

b. Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng

3. Hướng dẫn thực hành lâm sàng

3.1. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là bác sỹ đa khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 3 tháng

- Đối với các trường hợp xác định hành nghề đa khoa: thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng (trong đó thực hành tại khoa Nội tổng hợp: 2 tháng, khoa Ngoại: 2 tháng, khoa Nhi: 1,5 tháng, khoa Sản: 1,5 tháng, khoa Liên chuyên khoa: 1 tháng, khoa Y dược cổ truyền-Phục hồi chức năng: 1 tháng).

- Đối với các trường hợp định hướng tương lai hành nghề theo hệ Ngoại: Thực hành khám bệnh chữa bệnh tại khoa Ngoại tổng hợp 6 tháng, Sản 3 tháng.

- Đối với các trường hợp định hướng tương lai hành nghề theo hệ Nội: Nội 6 tháng, Nhi 3 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là bác sỹ chuyên khoa (Nội/Ngoại/Sản/Nhi/Hồi sức/gây mê/Tai-Mũi-Họng) :

- a. Thời điểm và thời gian thực hành:
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 3 tháng
 - Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại chuyên khoa tương ứng Nội/Ngoại/Sản/Nhi/Hồi sức/Gây mê/Tai-Mũi-Họng là 9 tháng

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
- Danh mục kỹ thuật theo các chuyên khoa tương ứng

Nội/Ngoại/Sản/Nhi/Hồi sức/Gây mê/Tai-Mũi-Họng trong phụ lục IX, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.3. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ y học cổ truyền:

- a. Thời điểm và Thời gian thực hành:
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 3 tháng
 - Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Y dược cổ truyền- Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.4. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Răng hàm mặt:

- a. Thời điểm và Thời gian thực hành:
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 3 tháng
 - Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (chuyên khoa Răng hàm mặt)

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.5. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Y học dự phòng:

- a. Thời điểm và Thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 3 tháng

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 6 tháng tại khoa Nội tổng hợp, 3 tháng tại khoa Truyền nhiễm

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học dự phòng

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.6. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng:

a. Thời điểm và Thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 6 tháng (trong đó tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc ít nhất là 1 tháng)

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật phù hợp với quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.7. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho KTY Xét nghiệm y học:

a. Thời điểm và Thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 6 tháng (trong đó tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 1 tháng, tại khoa Xét nghiệm- chẩn đoán hình ảnh là 5 tháng(Chuyên khoa xét nghiệm))

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục II phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.8. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho KTY Hình ảnh y học:

a. Thời điểm và Thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 6 tháng (trong đó tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 1 tháng, tại khoa Xét nghiệm -Chẩn đoán hình ảnh là 5 tháng(chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh))

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục I phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.9. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hộ sinh:

a. Thời điểm và Thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 1 tháng

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Phụ sản.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT

ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.10. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sỹ đa khoa:

a. Thời điểm và Thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 1 tháng

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng (trong đó thực hành tại khoa Nội tổng hợp: 1 tháng, khoa Ngoại: 1 tháng, khoa Nhi: 1 tháng, khoa Sản: 1 tháng, khoa Y dược cổ truyền-Phục hồi chức năng: 1 tháng).

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục X, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.11. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sỹ Y học cổ truyền:

a. Thời điểm và Thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 1 tháng

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng là 5 tháng

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XI, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.12. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Cấp cứu ngoại viện:

a. Thời điểm và Thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Cấp cứu hồi sức tích cực và chống độc là 6 tháng (trong đó cấp cứu ngoại viện 3 tháng)

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XVIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.